

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA

KỲ THI NGÀY 02/11/2025

Địa điểm thi:
Thời gian thi

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng)
Ca 1 (7h00-11h30); Ca 2 (13h00- 17h30)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
1	211100	Phan Thị Ái	411230712	26/09/1997	23BHTC02	1	14 (C401)
2	211101	Phạm Lê Huỳnh Anh	411230714	18/06/1998	23BHTC02	1	14 (C401)
3	211102	Đặng Minh Châu	441240002	14/08/1998	24BHTC01	1	14 (C401)
4	211103	Hà Quang Châu	411230715	13/10/1996	23BHTC02	1	14 (C401)
5	211104	Nguyễn Khoa Đàm	411230001	05/07/1997	23BHTC01	1	14 (C401)
6	211105	Phạm Minh Đức	441240004	06/06/1984	24BHTC01	1	14 (C401)
7	211106	Nguyễn Thị Dung	411220551	06/02/1983	22BHTC01	1	14 (C401)
8	211107	Lê Quang Dũng	411230003	20/06/1986	23BHTC01	1	14 (C401)
9	211108	Đinh Trần Hạ Giang	411230004	25/10/1998	23BHTC01	1	14 (C401)
10	211109	Đồng Thị Ngọc Hà	411220554	01/01/1999	22BHTC01	1	14 (C401)
11	211110	Nguyễn Thị Thu Hà	441240007	21/02/1986	24BHTC01	1	14 (C401)
12	211111	Quảng Vũ Khánh Hạ	441240008	15/04/1995	24BHTC01	1	14 (C401)
13	211112	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	411230005	14/09/2000	23BHTC01	1	14 (C401)
14	211113	Võ Thị Hiền	411230719	05/07/1989	23BHTC02	1	14 (C401)
15	211114	Phan Văn Hiếu	441240011	26/08/2000	24BHTC01	1	14 (C401)
16	211115	Phạm Thị Hoà	411171515	10/07/1987	17BHQNAM01	1	14 (C401)
17	211116	Nguyễn Thị Minh Hòa	441240013	18/09/1993	24BHTC01	1	14 (C401)
18	211117	Nguyễn Thị Thu Huệ	411230006	04/12/1999	23BHTC01	1	14 (C401)
19	211118	Lê Trần Thu Hương	411230007	08/12/1996	23BHTC01	1	14 (C401)
20	211119	Nguyễn Thị Hường	411220559	10/08/1995	22BHTC01	1	14 (C401)
21	211120	Trịnh Lê Huy	411230722	10/05/1989	23BHTC02	1	14 (C401)
22	211121	Võ Thị Dương Huyền	441240016	24/08/1999	24BHTC01	1	14 (C401)
23	211122	Cao Thanh Khánh	441240017	01/01/1988	24BHTC01	1	14 (C401)
24	211123	Nguyễn Hoàng Lam	411230008	21/11/2000	23BHTC01	1	14 (C401)
25	211124	Hà Thị Như Liên	441240018	11/10/1986	24BHTC01	1	14 (C401)
26	211125	Nguyễn Thị Hồng Linh	411230723	30/06/2000	23BHTC02	1	14 (C401)
27	211126	Cao Thị Loan	411230010	20/10/1989	23BHTC01	1	14 (C401)
28	211127	Trần Thị Lộc	441240020	07/05/1995	24BHTC01	1	14 (C401)
29	211128	Nguyễn Ngọc Long	411230724	29/08/1996	23BHTC02	1	14 (C401)
30	211129	Phan Thị Kim Ly	411230725	11/08/1998	23BHTC02	1	14 (C401)
31	211130	Bùi Khánh Mỹ	411230727	10/09/2001	23BHTC02	1	14 (C401)
32	211131	Phan Xuân Nam	411230011	10/03/1993	23BHTC01	1	14 (C401)
33	211132	Nguyễn Thị Thy Nga	411230012	20/03/1988	23BHTC01	1	14 (C401)
34	211133	Trần Thị Nga	411230013	25/08/1991	23BHTC01	1	14 (C401)
35	211134	Huỳnh Thị Thiên Nga	411230729	10/09/1999	23BHTC02	1	14 (C401)
36	211135	Đỗ Thị Kim Ngân	441240022	23/09/1992	24BHTC01	1	14 (C401)
37	211136	Nguyễn Thanh Nghị	411230731	02/02/1988	23BHTC02	1	15 (C404)
38	211137	Nguyễn Như Nguyên	441240025	09/09/1989	24BHTC01	1	15 (C404)
39	211138	Bùi Trần Thanh Nguyệt	441240026	14/06/1998	24BHTC01	1	15 (C404)
40	211139	Phạm Lâm Thảo Nhi	441240028	11/06/2000	24BHTC01	1	15 (C404)
41	211140	Phan Thị Tuyết Nhi	411230733	30/05/1999	23BHTC02	1	15 (C404)
42	211141	Tăng Thị Mỹ Nhung	441240031	08/02/1996	24BHTC01	1	15 (C404)
43	211142	Hồ Thị Kiều Oanh	411230734	15/06/1995	23BHTC02	1	15 (C404)
44	211143	Nguyễn Thị Thục Oanh	441240032	05/08/1994	24BHTC01	1	15 (C404)
45	211144	Trương Vũ Hoàng Oanh	411230014	11/03/1989	23BHTC01	1	15 (C404)
46	211145	Võ Lữ Diệu Phương	411230016	04/04/1991	23BHTC01	1	15 (C404)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi	
47	211146	Hoàng Thị Bích	Phượng	411230736	01/11/1996	23BHTC02	1	15 (C404)
48	211147	Bùi Đức	Quân	441240034	06/07/2000	24BHTC01	1	15 (C404)
49	211148	Phan Thị Như	Quỳnh	411230017	10/09/1999	23BHTC01	1	15 (C404)
50	211149	Hồ Thị	Sen	411230738	15/11/1990	23BHTC02	1	15 (C404)
51	211150	Trần Kim	Thành	411230739	18/02/1996	23BHTC02	1	15 (C404)
52	211151	Trần Võ Anh	Thơ	411230021	18/04/2000	23BHTC01	1	15 (C404)
53	211152	Nguyễn Anh	Thư	441240038	15/06/1999	24BHTC01	1	15 (C404)
54	211153	Nguyễn Hoài	Thương	411230023	30/08/1989	23BHTC01	1	15 (C404)
55	211154	Trần Thị Như	Thủy	411230740	02/04/1983	23BHTC02	1	15 (C404)
56	211155	Trần Thị Phương	Trang	411220579	08/05/1999	22BHTC01	1	15 (C404)
57	211156	Trần Thủy	Trang	411230026	22/07/2000	23BHTC01	1	15 (C404)
58	211157	Phan Thị Mỹ	Trí	411230742	14/01/1995	23BHTC02	1	15 (C404)
59	211158	Phạm Thị Ngọc	Trình	441240040	21/12/1991	24BHTC01	1	15 (C404)
60	211159	Nguyễn Hữu	Trọng	411230028	10/09/1991	23BHTC01	1	15 (C404)
61	211160	Trần Hà	Tuấn	411230030	22/07/1990	23BHTC01	1	15 (C404)
62	211161	Trương Nguyễn Thanh	Tùng	411230031	04/02/2000	23BHTC01	1	15 (C404)
63	211162	Trần Văn	Uy	441240044	18/08/1991	24BHTC01	1	15 (C404)
64	211163	Mai Thị Hà	Uyên	411230032	10/06/1995	23BHTC01	1	15 (C404)
65	211164	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	411230743	22/08/2001	23BHTC02	1	15 (C404)
66	211165	Lê	Vương	411230745	29/06/1991	23BHTC02	1	15 (C404)
67	211166	Phạm Văn	Vượng	411230746	15/08/1981	23BHTC02	1	15 (C404)
68	211167	Nguyễn Thị	Xinh	411230748	26/02/1995	23BHTC02	1	15 (C404)
69	211168	Nguyễn Thị Thanh	Yên	411230749	13/09/1985	23BHTC02	1	15 (C404)
70	211169	Hà Thị	Yến	411220585	17/05/1990	22BHTC01	1	15 (C404)
71	211170	Nguyễn Thị	Yến	411220586	19/02/1991	22BHTC01	1	15 (C404)
72	211171	Nguyễn Thị Hà	An	411220040	15/07/2004	22CNA02	1	16 (A401)
73	211172	Trần Thị Khánh	An	412220107	27/01/2004	22CNATM01	1	16 (A401)
74	211173	Nguyễn Thùy Phước	Ấn	411210586	22/02/2003	21CNACLC01	1	16 (A401)
75	211174	Đậu Lê Phương	Anh	411210415	02/11/2003	21CNA08	1	16 (A401)
76	211175	Lê Đức	Anh	411230112	10/11/2004	23CNA03	1	16 (A401)
77	211176	Lê Thị Phương	Anh	415220071	10/03/2004	22CNT01	1	16 (A401)
78	211177	Lữ Thị	Anh	412210042	13/01/2003	21CNADL02	1	16 (A401)
79	211178	Mai Trần Phương	Anh	415230087	30/10/2005	23CNTTM01	1	16 (A401)
80	211179	Nguyễn Thị Minh	Anh	411210206	08/10/2003	21CNA03	1	16 (A401)
81	211180	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	411220042	23/03/2004	22CNA02	1	16 (A401)
82	211181	Nguyễn Thị Như	Anh	411220080	01/05/2004	22CNA03	1	16 (A401)
83	211182	Nguyễn Thị Vân	Anh	411220231	19/09/2004	22CNA07	1	16 (A401)
84	211183	Nguyễn Xuân	Anh	412220001	29/09/2004	22CNADL01	1	16 (A401)
85	211184	Phạm Hoàng Minh	Anh	411220510	15/10/2004	22CNATT02	1	16 (A401)
86	211185	Phạm Tôn Lan	Anh	411220442	02/12/2004	22CNACLC03	1	16 (A401)
87	211186	Trần Châu	Anh	411200273	21/08/2002	20CNA06	1	16 (A401)
88	211187	Trương Công	Anh	411220041	01/08/2004	22CNA02	1	16 (A401)
89	211188	Lê Nguyễn Minh	Ánh	411210123	13/03/2003	21CNA01	1	16 (A401)
90	211189	Lê Thị	Ánh	411220270	30/05/2004	22CNA08	1	16 (A401)
91	211190	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	412220242	04/05/2004	22CNATMCLC03	1	16 (A401)
92	211191	Trần Thị Ngọc	Ánh	412220109	06/01/2004	22CNATM01	1	16 (A401)
93	211192	Đinh Quốc	Bảo	411220472	13/09/2003	22CNATT01	1	16 (A401)
94	211193	H Zip	Byă	411220043	09/05/2003	22CNA02	1	16 (A401)
95	211194	Lý Thoại	Châu	412190025	06/03/2001	19CNATM01	1	16 (A401)
96	211195	Phạm Minh	Châu	417220270	15/04/2004	22CNTL01	1	16 (A401)
97	211196	Trần Thị	Chi	411200111	07/03/2002	20CNA02	1	16 (A401)
98	211197	Huỳnh Thị	Cúc	412180112	16/10/2000	18CNADL01	1	16 (A401)
99	211198	Lê Văn	Đại	412200086	05/06/2002	20CNADL03	1	16 (A401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi	
100	211199	Bạch Hoàng Khánh	Đan	412220271	04/09/2004	22CNATMCLC04	1	17 (A402)
101	211200	Nguyễn Lê Linh	Đan	411200798	14/06/2002	20CNACLC08	1	17 (A402)
102	211201	Nguyễn Thị Bích	Đào	415220107	20/06/2004	22CNTTM02	1	17 (A402)
103	211202	Trần Tiến	Đạt	411220310	21/06/2004	22CNA09	1	17 (A402)
104	211203	Đặng Thị	Diễm	411210678	20/04/2003	21CNACLC04	1	17 (A402)
105	211204	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	412210266	05/03/2003	21CNATMCLC03	1	17 (A402)
106	211205	Trần Thị Huyền	Diệu	411200191	13/03/2002	20CNA04	1	17 (A402)
107	211206	Phan Khả	Doanh	411200706	01/11/2002	20CNACLC06	1	17 (A402)
108	211207	Lý Hoài	Đức	411200588	24/01/2002	20CNACLC02	1	17 (A402)
109	211208	Đỗ Thị Kim	Dung	411210335	27/09/2003	21CNA06	1	17 (A402)
110	211209	Lê Khánh Ngọc	Dung	411170841	28/02/1999	17CNACLC03	1	17 (A402)
111	211210	Ngô Thị	Dung	411210419	14/08/2003	21CNA08	1	17 (A402)
112	211211	Nguyễn Đoàn Phương	Dung	411210590	15/11/2003	21CNACLC01	1	17 (A402)
113	211212	Nguyễn Ngọc	Dung	411220311	15/04/2004	22CNA09	1	17 (A402)
114	211213	Nguyễn Thị	Dung	411220273	08/07/2004	22CNA08	1	17 (A402)
115	211214	Nguyễn Thị Thùy	Dung	411220006	28/01/2004	22CNA01	1	17 (A402)
116	211215	Trần Thị Phan	Dung	412210267	25/01/2003	21CNATMCLC03	1	17 (A402)
117	211216	Trần Thị Phương	Dung	411200589	15/06/2002	20CNACLC02	1	17 (A402)
118	211217	Trần Thị Thùy	Dung	412210045	08/04/2003	21CNADL02	1	17 (A402)
119	211218	Hoàng Việt	Dũng	411210649	11/04/2003	21CNACLC03	1	17 (A402)
120	211219	Lê Thị Quỳnh	Duyên	411210650	11/06/2003	21CNACLC03	1	17 (A402)
121	211220	Nguyễn Lê Thị Mỹ	Duyên	412200252	19/08/2002	20CNATMCLC01	1	17 (A402)
122	211221	Nguyễn Phạm Kiều	Duyên	412220335	16/02/2004	22CNADL02	1	17 (A402)
123	211222	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	412210207	24/03/2003	21CNATMCLC01	1	17 (A402)
124	211223	Nguyễn Thị Quý	Duyên	411210679	01/09/2003	21CNACLC04	1	17 (A402)
125	211224	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	415220005	29/10/2004	22CNT01	1	17 (A402)
126	211225	Thái Thị Mỹ	Duyên	417220042	31/01/2004	22CNH02	1	17 (A402)
127	211226	Trần Huỳnh	Duyên	411210739	22/05/2003	21CNACLC06	1	17 (A402)
128	211227	Bùi Thị	Giang	412200045	27/08/2002	20CNADL02	1	18 (A403)
129	211228	Bùi Thị Hương	Giang	412210179	10/02/2003	21CNADLCLC01	1	18 (A403)
130	211229	Dương Thị Hương	Giang	411200193	25/12/2002	20CNA04	1	18 (A403)
131	211230	Huỳnh Thị Trà	Giang	411210379	04/01/2003	21CNA07	1	18 (A403)
132	211231	Nguyễn Thị	Giang	411220350	19/08/2004	22CNA10	1	18 (A403)
133	211232	Phạm Thị Hương	Giang	411220199	06/01/2004	22CNA06	1	18 (A403)
134	211233	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	411210338	12/07/2003	21CNA06	1	18 (A403)
135	211234	Lê Thị Thái	Hà	411220275	21/05/2004	22CNA08	1	18 (A403)
136	211235	Nguyễn Thị Ngân	Hà	415220041	02/08/2004	22CNT01	1	18 (A403)
137	211236	Nguyễn Thu	Hà	411170863	14/08/1999	17CNACLC06	1	18 (A403)
138	211237	Nguyễn Việt	Hà	415220145	30/05/2004	22CNTDL01	1	18 (A403)
139	211238	Trần Thúy	Hà	415220006	26/03/2004	22CNT01	1	18 (A403)
140	211239	Trần Thị	Hải	411210339	02/06/2003	21CNA06	1	18 (A403)
141	211240	Đỗ Phạm Da	Hân	411210710	21/06/2003	21CNACLC05	1	18 (A403)
142	211241	Dương Thị Ngọc	Hân	412220220	11/01/2004	22CNATMCLC02	1	18 (A403)
143	211242	Nguyễn Hữu Bảo	Hân	411220516	18/10/2004	22CNATT02	1	18 (A403)
144	211243	Nguyễn Ngọc	Hân	411200590	10/07/2002	20CNACLC02	1	18 (A403)
145	211244	Nguyễn Ngọc Khánh	Hân	419220027	02/09/2004	22SPA02	1	18 (A403)
146	211245	Đặng Nguyễn Như	Hằng	412220116	09/01/2004	22CNATM01	1	18 (A403)
147	211246	Lê Thị	Hằng	411190087	15/08/2001	19CNA03	1	18 (A403)
148	211247	Phạm Thị Thúy	Hằng	411200281	12/03/2001	20CNA06	1	18 (A403)
149	211248	Nguyễn Thị	Hạnh	412210239	11/03/2003	21CNATMCLC02	1	18 (A403)
150	211249	Nguyễn Thúy	Hạnh	411190541	04/01/2001	19CNACLC04	1	18 (A403)
151	211250	Trần Mai	Hạnh	411200709	12/01/2002	20CNACLC06	1	18 (A403)
152	211251	Trần Thị	Hạnh	411180716	14/02/2000	18CNACLC03	1	18 (A403)

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
153	211252	Võ Thị Hoàng	Hào	411210507	29/11/2003	21CNA10	1	18 (A403)
154	211253	Lê Văn	Hậu	412230212	20/05/2005	23CNATM03	1	18 (A403)
155	211254	Nguyễn Thị Thu	Hậu	412220117	12/06/2004	22CNATM01	1	18 (A403)
156	211255	Trần Công	Hậu	412230294	11/11/2005	23CNATMĐT01	1	19 (B401)
157	211256	Đặng Thị Thu	Hiền	415220043	30/03/2004	22CNTTM02	1	19 (B401)
158	211257	Hồ Thị	Hiền	411210341	12/06/2003	21CNA06	1	19 (B401)
159	211258	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	411210711	11/03/2003	21CNACLC05	1	19 (B401)
160	211259	Lê Thị	Hiền	415220147	06/10/2004	22CNTTM01	1	19 (B401)
161	211260	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	411190553	01/11/2001	19CNACLC08	1	19 (B401)
162	211261	Trần	Hiền	412210009	01/12/2003	21CNADL01	1	19 (B401)
163	211262	Trần Thị Thu	Hiền	411190104	30/05/2001	19CNA08	1	19 (B401)
164	211263	Võ Thanh	Hiển	411210553	20/09/2003	21CNATT01	1	19 (B401)
165	211264	Phạm Quang	Hiệp	411200483	01/02/2002	20CNA11	1	19 (B401)
166	211265	Đinh Như	Hiếu	412220300	26/04/2004	22CNATMĐT01	1	19 (B401)
167	211266	Hồ Thị Mai	Hoa	415230169	11/10/2005	23CNT02	1	19 (B401)
168	211267	Huỳnh Thị Quỳnh	Hoa	412180206	09/11/2000	18CNATM02	1	19 (B401)
169	211268	Võ Thị	Hòa	415220009	08/06/2004	22CNT01	1	19 (B401)
170	211269	Nguyễn Thị	Hoài	411210508	09/07/2003	21CNA10	1	19 (B401)
171	211270	Nguyễn Việt	Hoàng	411200485	16/02/2002	20CNA11	1	19 (B401)
172	211271	Trần Văn Phi	Hoàng	412210011	03/03/2003	21CNADL01	1	19 (B401)
173	211272	Chung Thị Thúy	Hồng	412220158	01/02/2004	22CNATM02	1	19 (B401)
174	211273	Hồ Thị Lam	Hồng	411220088	25/07/2004	22CNA03	1	19 (B401)
175	211274	Huỳnh Thị	Hồng	411180213	16/08/2000	18CNA04	1	19 (B401)
176	211275	Lê Thị Thu	Hồng	411220126	29/09/2004	22CNA04	1	19 (B401)
177	211276	Nguyễn Thị Khánh	Hồng	411220164	08/10/2004	22CNA05	1	19 (B401)
178	211277	Võ Ánh	Hồng	411200593	31/08/2002	20CNACLC02	1	19 (B401)
179	211278	Nguyễn Huy	Hợp	411220202	25/08/2004	22CNA06	1	19 (B401)
180	211279	Cao Thị	Huế	411220240	03/07/2004	22CNA07	1	19 (B401)
181	211280	Ngô Thị Ngọc	Huế	411200239	12/08/2002	20CNA05	1	19 (B401)
182	211281	Nguyễn Thị	Huế	411200524	16/04/2002	20CNA12	1	19 (B401)
183	211282	Đặng Thị	Huệ	415220149	09/09/2004	22CNT01	1	19 (B401)
184	211283	Lê Thị Thanh	Huệ	411220278	12/12/2004	22CNA08	1	20 (B402)
185	211284	Mai Thị Mỹ	Huệ	412210095	10/04/2003	21CNATM01	1	20 (B402)
186	211285	Nguyễn Thị	Huệ	411210653	11/07/2003	21CNACLC03	1	20 (B402)
187	211286	Dương Thị Thu	Hương	411210510	02/08/2003	21CNA10	1	20 (B402)
188	211287	Hồ Thị Lan	Hương	412230130	13/01/2005	23CNATM01	1	20 (B402)
189	211288	Huỳnh Thị	Hương	411210743	05/09/2003	21CNACLC06	1	20 (B402)
190	211289	Mai Xuân	Hương	411210595	11/05/2003	21CNACLC01	1	20 (B402)
191	211290	Phạm Thị Ngọc	Hương	412210052	09/08/2003	21CNADL02	1	20 (B402)
192	211291	Trần Thị Thu	Hương	415220045	13/05/2004	22CNTTM02	1	20 (B402)
193	211292	Võ Doãn Thiên	Hương	411230278	07/09/2005	23CNA07	1	20 (B402)
194	211293	Đoàn Nguyễn Anh	Huy	411200161	11/12/2002	20CNA03	1	20 (B402)
195	211294	Huỳnh Khánh	Huyền	411190125	14/02/2000	19CNA03	1	20 (B402)
196	211295	Lê Khánh	Huyền	411220051	19/03/2004	22CNA02	1	20 (B402)
197	211296	Lê Minh	Huyền	412210097	15/02/2003	21CNATM01	1	20 (B402)
198	211297	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	411210301	16/12/2003	21CNA05	1	20 (B402)
199	211298	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	415220012	21/02/2004	22CNTTM02	1	20 (B402)
200	211299	Nguyễn Thu	Huyền	411210511	17/12/2003	21CNA10	1	20 (B402)
201	211300	Phan Thị	Huyền	415220150	02/03/2004	22CNTTM02	1	20 (B402)
202	211301	Phan Thị	Huyền	411220203	10/09/2004	22CNA06	1	20 (B402)
203	211302	Trần Ngọc Khánh	Huyền	415220082	23/11/2004	22CNTDL01	1	20 (B402)
204	211303	Trần Thị	Huyền	412210302	31/08/2003	21CNATMCLC04	1	20 (B402)
205	211304	Trần Thị Phương	Huyền	415220116	06/10/2004	22CNTTM02	1	20 (B402)

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
206	211305	Trần Thị Thanh	Huyền	411200079	25/10/2002	20CNA01	1	20 (B402)
207	211306	Đình Gia	Khanh	411230435	11/07/2005	23CNA11	1	20 (B402)
208	211307	Lê Ngọc Bảo	Khanh	411220422	02/01/2004	22CNACLC02	1	20 (B402)
209	211308	Lê Thị Vân	Khánh	411200594	19/08/2002	20CNACLC02	1	20 (B402)
210	211309	Lương Kim	Khánh	411200742	13/05/2002	20CNA13	1	20 (B402)
211	211310	Nguyễn Thị	Khuyến	416210069	26/03/2003	21CNDPHCLC01	1	20 (B402)
212	211311	Nguyễn Thị	Kiều	412190582	20/05/2001	19CNATMCLC04	1	21 (B403)
213	211312	Nguyễn Ngọc Diệu	Kỳ	411170916	05/06/1999	17CNACLC01	1	21 (B403)
214	211313	Lê Hồng	Lam	411200364	07/11/2002	20CNA08	1	21 (B403)
215	211314	Nguyễn Hiền	Lam	411210744	14/12/2003	21CNACLC06	1	21 (B403)
216	211315	Trịnh Thị Thanh	Lam	415220048	12/05/2004	22CNT01	1	21 (B403)
217	211316	Trương Thị Thanh	Lam	411220205	10/01/2004	22CNA06	1	21 (B403)
218	211317	Trần Hà	Lan	411210470	04/02/2003	21CNA09	1	21 (B403)
219	211318	Trịnh Thị Mỹ	Lan	411210512	06/08/2003	21CNA10	1	21 (B403)
220	211319	Bùi Thị Diệu	Linh	415220050	14/07/2004	22CNT01	1	21 (B403)
221	211320	Bùi Trúc	Linh	411210716	30/07/2003	21CNACLC05	1	21 (B403)
222	211321	Đặng Thị Thùy	Linh	411200164	17/07/2002	20CNA03	1	21 (B403)
223	211322	Diêu Yến	Linh	415220120	21/07/2004	22CNTTM01	1	21 (B403)
224	211323	Đoàn Thị Khánh	Linh	411200289	24/03/2002	20CNA06	1	21 (B403)
225	211324	Đoạn Thị Thùy	Linh	416220113	05/04/2004	22CNQTH01	1	21 (B403)
226	211325	Hà Thị Kiều	Linh	411190601	08/05/2001	19CNACLC03	1	21 (B403)
227	211326	Hồ Thị Duy	Linh	412220124	01/01/2004	22CNATM01	1	21 (B403)
228	211327	Hoàng Đào Khánh	Linh	417220014	06/05/2004	22CNH01	1	21 (B403)
229	211328	Lê Đỗ Nhật	Linh	416220047	14/10/2004	22CNDPH01	1	21 (B403)
230	211329	Lê Huyền	Linh	411200120	27/01/2002	20CNA02	1	21 (B403)
231	211330	Lê Thị Huyền	Linh	412220250	25/01/2004	22CNATMCLC03	1	21 (B403)
232	211331	Lê Thị Khánh	Linh	411180774	11/07/2000	18CNACLC06	1	21 (B403)
233	211332	Lê Việt	Linh	411210745	15/06/2003	21CNACLC06	1	21 (B403)
234	211333	Nguyễn Hồ Gia	Linh	411220358	21/11/2004	22CNA10	1	21 (B403)
235	211334	Nguyễn Mai	Linh	411200492	13/02/2002	20CNA11	1	21 (B403)
236	211335	Nguyễn Phan Nhật	Linh	411220521	25/02/2004	22CNATT02	1	21 (B403)
237	211336	Nguyễn Thị Thuý	Linh	411200712	12/09/2002	20CNACLC06	1	21 (B403)
238	211337	Trần Hà	Linh	411210627	29/06/2003	21CNACLC02	1	21 (B403)
239	211338	Trương Thị Diệu	Linh	413220014	25/11/2004	22CNP01	1	21 (B403)
240	211339	Đình Thị Mỹ	Loan	416220189	14/01/2004	22CNQTHCLC01	1	22 (C402)
241	211340	Đình Thị Mai	Lưu	411200598	23/01/2002	20CNACLC02	1	22 (C402)
242	211341	Đoàn Nguyễn Hải	Ly	411220523	24/08/2004	22CNATT02	1	22 (C402)
243	211342	Hồ Thị Hương	Ly	411220321	14/10/2003	22CNA09	1	22 (C402)
244	211343	Lê Quỳnh Trúc	Ly	416220115	31/10/2004	22CNQTH01	1	22 (C402)
245	211344	Lê Thị Phương	Ly	411200125	29/06/2002	20CNA02	1	22 (C402)
246	211345	Nguyễn Thị Khánh	Ly	411200495	19/05/2002	20CNA11	1	22 (C402)
247	211346	Nguyễn Thị Mai	Ly	415220052	30/07/2004	22CNTTM01	1	22 (C402)
248	211347	Nguyễn Thị Thảo	Ly	411190621	06/07/2001	19CNACLC08	1	22 (C402)
249	211348	Phạm Thị Thảo	Ly	416220114	19/10/2004	22CNQTH01	1	22 (C402)
250	211349	Trương Thị Cẩm	Ly	411200165	05/05/2002	20CNA03	1	22 (C402)
251	211350	Hồ Thị Kim	Mai	411220132	25/01/2004	22CNA04	1	22 (C402)
252	211351	Lê Như	Mai	411200713	23/11/2002	20CNACLC06	1	22 (C402)
253	211352	Nguyễn Thị Thảo	Mai	411220170	09/01/2004	22CNA05	1	22 (C402)
254	211353	Từ Thị Tuyết	Mai	412170945	26/10/1999	17CNATMCLC01	1	22 (C402)
255	211354	Lò Thị	Mận	411220246	22/12/2004	22CNA07	1	22 (C402)
256	211355	Huỳnh Thị	Mến	415220018	18/05/2004	22CNTTM02	1	22 (C402)
257	211356	Lê Trần Ánh	Minh	412210187	12/08/2003	21CNADLCLC01	1	22 (C402)
258	211357	Trần Thị Ánh	Minh	415220053	23/09/2004	22CNTTM01	1	22 (C402)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
259	211358	Đỗ Thảo My	411190629	09/02/2001	19CNACLC06	1	22 (C402)
260	211359	Huỳnh Bùi Kiều My	411210628	18/12/2003	21CNACLC02	1	22 (C402)
261	211360	Huỳnh Việt Thảo My	411220056	04/04/2004	22CNA02	1	22 (C402)
262	211361	Nguyễn Hà My	411220095	23/08/2004	22CNA03	1	22 (C402)
263	211362	Nguyễn Kiều Diễm My	417220278	23/08/2004	22CNTL01	1	22 (C402)
264	211363	Nguyễn Thị Kiều My	411210474	07/11/2003	21CNA09	1	22 (C402)
265	211364	Nguyễn Thị Trà My	411220525	10/07/2004	22CNATT02	1	22 (C402)
266	211365	Nguyễn Trà My	411220524	20/01/2004	22CNATT02	1	22 (C402)
267	211366	Phạm Nguyễn Trà My	411210688	19/02/2003	21CNACLC04	1	22 (C402)
268	211367	Trần Thị Diễm My	412210057	26/11/2003	21CNADL02	2	23 (C401)
269	211368	Võ Thị Mỹ	412210103	14/04/2003	21CNATM01	2	23 (C401)
270	211369	Võ Thị Thanh My	419220034	20/02/2004	22SPA02	2	23 (C401)
271	211370	Dương Thị Li Na	412210104	06/10/2003	21CNATM01	2	23 (C401)
272	211371	Trần Thị Na	411200373	15/05/2002	20CNA08	2	23 (C401)
273	211372	Võ Thị Linh Na	411200599	14/04/2002	20CNACLC02	2	23 (C401)
274	211373	Nguyễn Ngọc Nam	411220487	13/01/2004	22CNATT01	2	23 (C401)
275	211374	Phan Ngọc Hà Nam	411220526	30/04/2004	22CNATT02	2	23 (C401)
276	211375	Trần Hoài Nam	412220127	14/01/2004	22CNATM01	2	23 (C401)
277	211376	Nguyễn Thị Nga	411220018	18/01/2004	22CNA01	2	23 (C401)
278	211377	Phạm Thị Nga	412210058	20/07/2003	21CNADL02	2	23 (C401)
279	211378	Cao Thanh Tuyết Ngân	411220097	31/08/2004	22CNA03	2	23 (C401)
280	211379	Chế Thị Kim Ngân	411170961	28/08/1999	17CNACLC05	2	23 (C401)
281	211380	Dương Thị Ngân	412220256	07/07/2004	22CNATMCLC03	2	23 (C401)
282	211381	Lê Thu Ngân	412220128	22/04/2004	22CNATM01	2	23 (C401)
283	211382	Nguyễn Thị Ngân	412210018	10/01/2003	21CNADL01	2	23 (C401)
284	211383	Phạm Thị Kim Ngân	412200318	10/08/2002	20CNATMCLC03	2	23 (C401)
285	211384	Phan Thị Tuyết Ngân	412220283	26/01/2004	22CNATMCLC04	2	23 (C401)
286	211385	Trần Thị Thanh Ngân	411210748	20/05/2003	21CNACLC06	2	23 (C401)
287	211386	Trương Thị Kim Ngân	415220021	27/09/2004	22CNTTM02	2	23 (C401)
288	211387	Võ Hữu Thái Ngân	411220249	06/02/2004	22CNA07	2	23 (C401)
289	211388	Vũ Thị Kim Ngân	411200333	19/04/2002	20CNA07	2	23 (C401)
290	211389	Nguyễn Thị Thuý Ngân	412210248	18/04/2003	21CNATMCLC02	2	23 (C401)
291	211390	An Thị Minh Ngọc	415220125	09/10/2004	22CNT01	2	23 (C401)
292	211391	Hồ Thị Ánh Ngọc	411200086	26/05/2002	20CNA01	2	23 (C401)
293	211392	Hồ Thị Bích Ngọc	411220326	07/09/2004	22CNA09	2	23 (C401)
294	211393	Lê Huyền Bảo Ngọc	412220309	10/03/2004	22CNATMĐT01	2	23 (C401)
295	211394	Mai Kim Ngọc	411200631	29/09/2002	20CNACLC03	2	23 (C401)
296	211395	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	411200809	17/10/2002	20CNACLC08	2	24 (C404)
297	211396	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	411220020	16/06/2004	22CNA01	2	24 (C404)
298	211397	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	411220288	15/06/2004	22CNA08	2	24 (C404)
299	211398	Phạm Bích Ngọc	411210435	25/03/2003	21CNA08	2	24 (C404)
300	211399	Trần Thị Bảo Ngọc	411210477	01/01/2003	21CNA09	2	24 (C404)
301	211400	Đào Mai Nguyên	417220090	13/09/2004	22CNH03	2	24 (C404)
302	211401	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	411190238	09/05/2001	19CNA05	2	24 (C404)
303	211402	Phan Thảo Nguyên	412210060	01/01/2003	21CNADL02	2	24 (C404)
304	211403	Lê Thị Minh Nguyệt	412200182	19/11/2002	20CNATM02	2	24 (C404)
305	211404	Ngô Thị Minh Nguyệt	411210226	12/04/2003	21CNA03	2	24 (C404)
306	211405	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	411170395	16/07/1999	17CNA10	2	24 (C404)
307	211406	Trần Thị Minh Nguyệt	411200250	03/10/2002	20CNA05	2	24 (C404)
308	211407	Lê Thị Thảo Nhi	412220059	08/03/2004	22CNADL02	2	24 (C404)
309	211408	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	411220022	19/05/2004	22CNA01	2	24 (C404)
310	211409	Nguyễn Linh Nhi	411200600	20/06/2002	20CNACLC02	2	24 (C404)
311	211410	Nguyễn Thị Lâm Nhi	417220019	19/06/2004	22CNH01	2	24 (C404)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi	
312	211411	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	412210191	15/02/2003	21CNADLCLC01	2	24 (C404)
313	211412	Nguyễn Thoại	Nhi	415220126	15/05/2004	22CNTTM01	2	24 (C404)
314	211413	Puih Linh	Nhi	411200500	02/02/2002	20CNA11	2	24 (C404)
315	211414	Trần Lê Phương	Nhi	412210190	19/01/2003	21CNADLCLC01	2	24 (C404)
316	211415	Trần Thị Mỹ	Nhi	411220365	09/10/2004	22CNA10	2	24 (C404)
317	211416	Trần Thị Xuân	Nhi	411200501	24/10/2002	20CNA11	2	24 (C404)
318	211417	Võ Thị Ánh	Nhi	412220170	07/01/2004	22CNATM02	2	24 (C404)
319	211418	Võ Yến	Nhi	411230250	20/07/2005	23CNA06	2	24 (C404)
320	211419	Nguyễn Thị Kiều	Nhiên	411210479	17/04/2003	21CNA09	2	24 (C404)
321	211420	Lê Quỳnh	Như	411220139	02/02/2004	22CNA04	2	24 (C404)
322	211421	Nguyễn Thị Thảo	Như	412220132	02/02/2004	22CNATM01	2	24 (C404)
323	211422	Nguyễn Thị Tuyết	Như	415220023	17/11/2004	22CNT01	2	24 (C404)
324	211423	Trần Hoàng Bảo	Như	415220057	16/07/2004	22CNTTM02	2	25 (A401)
325	211424	Hách Thị Hồng	Nhung	411200299	31/08/2002	20CNA06	2	25 (A401)
326	211425	Lê Trang	Nhung	417220245	15/01/2004	22CNJTM01	2	25 (A401)
327	211426	Nguyễn Thị Xuân	Nhung	411210144	11/04/2003	21CNA01	2	25 (A401)
328	211427	Phan Thị Thùy	Nhung	411220329	17/09/2004	22CNA09	2	25 (A401)
329	211428	Võ Thị Phương	Nhung	411220215	19/08/2004	22CNA06	2	25 (A401)
330	211429	H Mai	Niê	412200100	05/10/2001	20CNADL03	2	25 (A401)
331	211430	Lê Thị Bảo	Ny	411200693	28/07/2002	20CNACLC05	2	25 (A401)
332	211431	Lê Thị Kiều	Oanh	419220038	02/11/2004	22SPA02	2	25 (A401)
333	211432	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	412220171	14/06/2004	22CNATM02	2	25 (A401)
334	211433	Trần Mẫn	Oanh	412210155	25/10/2003	21CNATM02	2	25 (A401)
335	211434	Lê Hoàng Nhật	Phi	411220102	02/09/2004	22CNA03	2	25 (A401)
336	211435	Bùi Thị Vinh	Phúc	411200718	28/03/2002	20CNACLC06	2	25 (A401)
337	211436	Lê Bá	Phúc	411210187	11/03/2003	21CNA02	2	25 (A401)
338	211437	Phạm Thị Ngọc	Phúc	419220017	16/11/2004	22SPA01	2	25 (A401)
339	211438	Lê Minh	Phương	411220533	15/09/2004	22CNATT02	2	25 (A401)
340	211439	Lê Thị Băng	Phương	411210694	04/05/2003	21CNACLC04	2	25 (A401)
341	211440	Lê Thị Như	Phương	411210724	11/07/2003	21CNACLC05	2	25 (A401)
342	211441	Ngô Thị Thanh	Phương	412220064	03/10/2004	22CNADL02	2	25 (A401)
343	211442	Nguyễn Quỳnh Đan	Phương	417220284	15/12/2004	22CNTL01	2	25 (A401)
344	211443	Lê Thị Hồng	Phượng	412220172	24/03/2004	22CNATM02	2	25 (A401)
345	211444	Phạm Thị	Phượng	411220292	30/08/2003	22CNA08	2	25 (A401)
346	211445	Phạm Thị Hồng	Phượng	411210695	29/04/2003	21CNACLC04	2	25 (A401)
347	211446	Phan Thị	Phượng	411180872	26/12/1999	18CNACLC03	2	25 (A401)
348	211447	Võ Thị Uyên	Phượng	411180873	18/12/2000	18CNACLC06	2	25 (A401)
349	211448	Lê Thị Tường	Qui	412200141	23/04/2002	20CNATM01	2	25 (A401)
350	211449	Đoàn Thị Đỗ	Quyên	411190716	30/09/2001	19CNACLC03	2	25 (A401)
351	211450	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	411200384	05/09/2002	20CNA08	2	25 (A401)
352	211451	Mai Thị Lệ	Quyên	411210755	28/09/2003	21CNACLC06	2	26 (A402)
353	211452	Ngô Hà Khánh	Quyên	412200142	01/06/2002	21CNATM01	2	26 (A402)
354	211453	Nguyễn Mỹ	Quyên	412200294	05/02/2002	20CNATMCLC02	2	26 (A402)
355	211454	Trần Thị Ánh	Quyên	412200263	20/08/2002	20CNATMCLC01	2	26 (A402)
356	211455	Ngô Mai	Quỳnh	411220255	04/07/2004	22CNA07	2	26 (A402)
357	211456	Phạm Diễm	Quỳnh	412220288	02/01/2004	22CNATMCLC04	2	26 (A402)
358	211457	Phạm Ngọc	Quỳnh	411220496	06/11/2004	22CNATT01	2	26 (A402)
359	211458	Phạm Trần Khánh	Quỳnh	411220105	01/12/2004	22CNA03	2	26 (A402)
360	211459	Võ Thị Trúc	Quỳnh	411220179	26/08/2004	22CNA05	2	26 (A402)
361	211460	Vũ Thị Như	Quỳnh	411210696	26/06/2003	21CNACLC04	2	26 (A402)
362	211461	Kpă H'	Rawi	412200209	01/11/2001	20CNATM03	2	26 (A402)
363	211462	Lê Thị	Sang	411220181	20/06/2004	22CNA05	2	26 (A402)
364	211463	Trần Thị Thanh	Sương	419170051	23/12/1999	17SPA01	2	26 (A402)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi	
365	211464	Cao Thị Thanh	Tâm	417220095	04/11/2004	22CNH03	2	26 (A402)
366	211465	Cao Tổ	Tâm	411210756	19/01/2003	21CNACLC06	2	26 (A402)
367	211466	Đỗ Thị Thanh	Tâm	411190321	04/10/2001	19CNA02	2	26 (A402)
368	211467	Hoàng Ngọc Bảo	Tâm	417210065	04/09/2003	21CNJ02	2	26 (A402)
369	211468	Huỳnh Minh	Tâm	411171048	23/12/1999	17CNACLC06	2	26 (A402)
370	211469	Huỳnh Thị Minh	Tâm	412200108	16/07/2002	20CNADL03	2	26 (A402)
371	211470	Nguyễn Thị Hạ	Tâm	411170530	09/09/1999	17CNA01	2	26 (A402)
372	211471	Nguyễn Thị Minh	Tâm	411210485	17/10/1993	22CNA09	2	26 (A402)
373	211472	Võ Thị Thanh	Tâm	416210212	19/11/2003	21CNQTHCLC01	2	26 (A402)
374	211473	Võ Thị Thanh	Tâm	411200092	08/10/2002	21CNA01	2	26 (A402)
375	211474	Đỗ Hồng	Thấm	412210312	21/11/2003	21CNATMCLC04	2	26 (A402)
376	211475	Ksor	Thấm	411200341	10/03/2002	20CNA07	2	26 (A402)
377	211476	Phan Thị Hồng	Thấm	411210444	25/02/2003	21CNA08	2	26 (A402)
378	211477	Bạch Thái	Thanh	411171054	12/02/1999	17CNACLC06	2	26 (A402)
379	211478	Bùi Văn	Thanh	411220067	20/03/2004	22CNA02	2	27 (A403)
380	211479	Lưu Quốc	Thanh	411200342	05/02/2002	20CNA07	2	27 (A403)
381	211480	Trần Công	Thành	411210319	02/03/2003	21CNA05	2	27 (A403)
382	211481	Bùi Thị Phương	Thảo	411220296	14/08/2004	22CNA08	2	27 (A403)
383	211482	Hồ Thị Phương	Thảo	411220536	24/08/2004	22CNATT02	2	27 (A403)
384	211483	Hoàng Phương	Thảo	416220127	03/05/2003	22CNQTH01	2	27 (A403)
385	211484	Huỳnh Nguyễn Diệu	Thảo	412200331	18/02/2002	20CNATMCLC03	2	27 (A403)
386	211485	Nguyễn Thị Phương	Thảo	411200508	03/01/2002	20CNA11	2	27 (A403)
387	211486	Nguyễn Thị Thu	Thảo	415220028	28/04/2004	22CNTTM02	2	27 (A403)
388	211487	Phan Thanh	Thảo	411200135	08/08/2002	20CNA02	2	27 (A403)
389	211488	Phan Thị Thanh	Thảo	412200234	02/05/2002	20CNATM03	2	27 (A403)
390	211489	Tổng Thị Phương	Thảo	415220062	27/11/2004	22CNTTM01	2	27 (A403)
391	211490	Trần Ngọc Nhật	Thảo	412200265	11/06/2002	20CNATMCLC01	2	27 (A403)
392	211491	Trần Thị	Thảo	411220220	10/01/2004	22CNA06	2	27 (A403)
393	211492	Võ Thị Thanh	Thảo	416220196	23/04/2004	22CNQTHCLC01	2	27 (A403)
394	211493	Vũ Hương	Thảo	412210070	19/02/2003	21CNADL02	2	27 (A403)
395	211494	Hoàng Khánh	Thi	412210285	17/10/2003	21CNATMCLC03	2	27 (A403)
396	211495	Nguyễn Ngọc Bảo	Thi	411210728	18/11/2003	21CNACLC05	2	27 (A403)
397	211496	Lưu Thị Hải	Thiên	417220062	23/08/2004	22CNH02	2	27 (A403)
398	211497	Lê Đức	Thiện	411200469	20/07/2002	20CNA10	2	27 (A403)
399	211498	Phan Thị Anh	Thơ	412220176	02/07/2004	22CNATM02	2	27 (A403)
400	211499	Nguyễn Đức	Thọ	412180902	22/02/2000	18CNATMCLC03	2	27 (A403)
401	211500	Nguyễn Thị Kim	Thoa	411210573	28/06/2003	21CNATT01	2	27 (A403)
402	211501	Nguyễn Thị	Thu	411210280	22/01/2003	21CNA04	2	27 (A403)
403	211502	Đỗ Hà Anh	Thư	412220209	27/09/2004	22CNATMCLC01	2	27 (A403)
404	211503	Nguyễn Tào Anh	Thư	417220027	17/12/2004	22CNH01	2	27 (A403)
405	211504	Nguyễn Thị Anh	Thư	411220109	22/06/2004	22CNA03	2	27 (A403)
406	211505	Nguyễn Thị Anh	Thư	411220147	21/06/2004	22CNA04	2	28 (B401)
407	211506	Phạm Quỳnh	Thư	412210225	21/02/2003	21CNATMCLC01	2	28 (B401)
408	211507	Trần Thị Minh	Thư	412220069	24/01/2004	22CNADL02	2	28 (B401)
409	211508	Trần Thị Huyền	Thục	417220133	12/11/2004	22CNHCLC01	2	28 (B401)
410	211509	Hồ Thị	Thương	411220336	24/03/2004	22CNA09	2	28 (B401)
411	211510	Huỳnh Thị	Thương	416210083	11/08/2003	21CNDPHCLC01	2	28 (B401)
412	211511	Lê Phạm Hoài	Thương	412220210	21/11/2004	22CNATMCLC01	2	28 (B401)
413	211512	Ngô Thị Hoài	Thương	415220133	07/03/2003	22CNTTM01	2	28 (B401)
414	211513	Vũ Lê Khánh	Thương	411200606	15/12/2002	20CNACLC02	2	28 (B401)
415	211514	Đinh	Thuy	411200140	28/02/2001	20CNA02	2	28 (B401)
416	211515	Bùi Thị Thanh	Thúy	416220132	13/06/2004	22CNQTH01	2	28 (B401)
417	211516	Hồ Thị Thu	Thúy	412190768	01/06/2001	19CNATMCLC01	2	28 (B401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi	
418	211517	Hoàng Thị Phương	Thúy	411210155	13/04/2003	21CNA01	2	28 (B401)
419	211518	Nguyễn Thanh	Thúy	412210074	18/02/2003	21CNADL02	2	28 (B401)
420	211519	Phan Thị Thanh	Thúy	416220131	25/05/2004	22CNQTH01	2	28 (B401)
421	211520	Thái Thị Thanh	Thúy	411200096	10/04/2002	20CNA01	2	28 (B401)
422	211521	Trần Thị Ngọc	Thúy	412210257	02/01/2003	21CNATMCLC02	2	28 (B401)
423	211522	Võ Thị Ngọc	Thúy	412220141	14/10/2004	22CNATM01	2	28 (B401)
424	211523	Đỗ Thị Thanh	Thúy	411200720	08/01/2002	20CNACLC06	2	28 (B401)
425	211524	Nguyễn Thị	Thúy	411220501	11/10/2004	22CNATT01	2	28 (B401)
426	211525	Nguyễn Thị Thu	Thúy	412200271	14/05/2002	20CNATMCLC01	2	28 (B401)
427	211526	Phạm Thị Thanh	Thúy	412220073	29/11/2004	22CNADL02	2	28 (B401)
428	211527	Lý Quỳnh	Thy	411200815	17/06/2002	20CNACLC08	2	28 (B401)
429	211528	Nguyễn Cẩm	Tiên	411220540	08/11/2004	22CNATT02	2	28 (B401)
430	211529	Nguyễn Hoàng Thùy	Tiên	411220502	03/06/2004	22CNATT01	2	28 (B401)
431	211530	Nguyễn Lê Hồng	Tiên	416220173	21/08/2004	22CNQTH02	2	28 (B401)
432	211531	Nguyễn Thanh	Tiên	412210035	05/07/2003	21CNADL01	2	28 (B401)
433	211532	Phạm Thị	Tiên	412200272	14/08/2002	20CNATMCLC01	2	29 (B402)
434	211533	Nguyễn Hoàng	Tiến	416220174	31/12/2003	22CNQTH02	2	29 (B402)
435	211534	Hồ Thị Anh	Tiền	412210076	07/03/2003	21CNADL02	2	29 (B402)
436	211535	Lê Bùi Bảo	Tín	411220262	27/03/2004	22CNA07	2	29 (B402)
437	211536	Hoàng Huỳnh Bích	Trâm	412190794	23/11/2001	19CNATMCLC01	2	29 (B402)
438	211537	Huỳnh Thị Bích	Trâm	411210198	30/05/2003	21CNA02	2	29 (B402)
439	211538	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	412200273	07/12/2001	20CNATMCLC01	2	29 (B402)
440	211539	Phan Thị Ngọc	Trâm	411220225	10/03/2004	22CNA06	2	29 (B402)
441	211540	Thái Thùy	Trâm	412230234	10/11/2005	23CNATM03	2	29 (B402)
442	211541	Trần Lê Bảo	Trâm	412200297	01/08/2002	20CNATMCLC02	2	29 (B402)
443	211542	Võ Thị	Trâm	412153161129	15/03/1998	16CNATM03	2	29 (B402)
444	211543	Võ Thị Vân	Trâm	411220033	22/09/2004	22CNA01	2	29 (B402)
445	211544	Dương Thị	Trâm	412220075	22/05/2004	22CNADL02	2	29 (B402)
446	211545	Châu Bảo	Trân	412210228	14/12/2003	21CNATMCLC01	2	29 (B402)
447	211546	Phan Nguyễn Quế	Trân	411220264	20/01/2004	22CNA07	2	29 (B402)
448	211547	Trần Nguyễn Quế	Trân	412220181	22/11/2004	22CNATM02	2	29 (B402)
449	211548	Trương Thùy	Trân	411220188	18/10/2004	22CNA05	2	29 (B402)
450	211549	Chu Thị	Trang	411200608	04/10/2002	20CNACLC02	2	29 (B402)
451	211550	Đặng Thị Thu	Trang	412170688	18/03/1999	17CNADL03	2	29 (B402)
452	211551	Đỗ Thị Thùy	Trang	412180939	20/09/2000	18CNATMCLC01	2	29 (B402)
453	211552	Hoàng Thị	Trang	411190958	17/04/2000	19CNA03	2	29 (B402)
454	211553	Lê Thị Huyền	Trang	416220175	03/09/2004	22CNQTH02	2	29 (B402)
455	211554	Lê Thị Thùy	Trang	412210229	23/07/2003	21CNATMCLC01	2	29 (B402)
456	211555	Lê Thị Thùy	Trang	411200581	01/01/2002	20CNACLC01	2	29 (B402)
457	211556	Lê Thị Thùy	Trang	411200789	17/06/2002	20CNACLC07	2	29 (B402)
458	211557	Mai Thị Thiên	Trang	411210760	20/09/2003	21CNACLC06	2	29 (B402)
459	211558	Nguyễn Quỳnh	Trang	411200549	13/04/2002	20CNA12	2	29 (B402)
460	211559	Nguyễn Thị Huyền	Trang	412170686	08/06/1999	17CNADL02	2	30 (B403)
461	211560	Nguyễn Thị Huyền	Trang	411190787	29/04/2001	19CNACLC08	2	30 (B403)
462	211561	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	415220031	16/03/2004	22CNTTM02	2	30 (B403)
463	211562	Nguyễn Thị Thu	Trang	411200791	01/01/2002	20CNACLC07	2	30 (B403)
464	211563	Phạm Thị	Trang	411200472	17/11/2002	20CNA10	2	30 (B403)
465	211564	Trần Thị Kiều	Trang	415220170	03/03/2004	22CNT01	2	30 (B403)
466	211565	Võ Lê Minh	Trang	411220435	05/12/2004	22CNACLC02	2	30 (B403)
467	211566	Võ Thị	Trang	415220134	08/01/2004	22CNTTM01	2	30 (B403)
468	211567	Đinh Thị Thùy	Trinh	415220032	03/09/2004	22CNT01	2	30 (B403)
469	211568	Hoàng Thị Tuyết	Trinh	411210327	16/03/2003	21CNA05	2	30 (B403)
470	211569	Lê Thị Ngọc	Trinh	411170713	02/01/1999	17CNA01	2	30 (B403)

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
471	211570	Phạm Nguyễn Hiền	Trình	411210200	27/07/2003	21CNA02	2	30 (B403)
472	211571	Phạm Thị	Trình	411190804	14/04/2001	19CNACLC04	2	30 (B403)
473	211572	Trần Thị	Trình	411220035	14/04/2004	22CNA01	2	30 (B403)
474	211573	Lê Tất Đan	Trường	412230237	13/02/2005	23CNATM03	2	30 (B403)
475	211574	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	412170724	14/04/1999	17CNADL01	2	30 (B403)
476	211575	Lê Quốc	Tuấn	412200274	03/01/2002	20CNATMCLC01	2	30 (B403)
477	211576	Phạm Mạnh	Tùng	417220290	25/10/2004	22CNTL01	2	30 (B403)
478	211577	Nguyễn Thị Long	Tuyến	415220033	26/11/2004	22CNTTM01	2	30 (B403)
479	211578	Nguyễn Thị Thanh	Tuyến	411171123	01/12/1999	17CNACLC06	2	30 (B403)
480	211579	Nguyễn Thị Thanh	Tuyến	411200268	03/11/2002	20CNA05	2	30 (B403)
481	211580	Lương Thị	Tuyết	411180958	20/10/2000	18CNACLC01	2	30 (B403)
482	211581	Phạm Thị Bùi	Tuyết	411200793	08/06/2002	20CNACLC07	2	30 (B403)
483	211582	Lê Thị Như	Uyên	411210538	01/04/2003	21CNA10	2	30 (B403)
484	211583	Lê Tổ	Uyên	417220264	15/07/2004	22CNJTM01	2	30 (B403)
485	211584	Lê Tú	Uyên	412230077	07/07/2005	23CNADL02	2	30 (B403)
486	211585	Lương Thị Thu	Uyên	411200670	31/05/2002	20CNACLC04	2	30 (B403)
487	211586	Ngô Phan Thảo	Uyên	411171137	03/03/1999	17CNACLC01	2	31 (C402)
488	211587	Nguyễn Phương	Uyên	411171128	06/12/1999	17CNACLC04	2	31 (C402)
489	211588	Nguyễn Thị Giao	Uyên	411220545	20/07/2004	22CNATT02	2	31 (C402)
490	211589	Huỳnh Thị	Vân	412210169	24/02/2003	21CNATM02	2	31 (C402)
491	211590	Lê Thị	Vân	411171140	01/01/1999	17CNACLC06	2	31 (C402)
492	211591	Trần Hoàng	Vân	417230178	28/06/2005	23CNJ02	2	31 (C402)
493	211592	Lê Trần Yến	Vi	412210203	08/08/2002	21CNADLCLC01	2	31 (C402)
494	211593	Ngô Võ Tường	Vi	411220437	08/06/2004	22CNACLC02	2	31 (C402)
495	211594	Nguyễn Thị Thảo	Vi	411220507	31/03/2004	22CNATT01	2	31 (C402)
496	211595	Võ Thị Tường	Vi	412220330	07/01/2004	22CNATMĐT01	2	31 (C402)
497	211596	Nguyễn Tấn	Viễn	411200394	27/07/2002	20CNA08	2	31 (C402)
498	211597	Lương Công	Vũ	417220293	20/04/2004	22CNTL01	2	31 (C402)
499	211598	Bùi Thị Hà	Vy	412220079	06/07/2004	22CNADL02	2	31 (C402)
500	211599	Hồ Thảo	Vy	411180978	15/04/2000	18CNACLC03	2	31 (C402)
501	211600	Hồ Thị Tường	Vy	412220331	20/10/2004	22CNATMĐT01	2	31 (C402)
502	211601	Lê Thị Tường	Vy	412200158	10/04/2002	20CNATM01	2	31 (C402)
503	211602	Ngô Thị Hoàng	Vy	415220034	18/07/2004	22CNTTM02	2	31 (C402)
504	211603	Nguyễn Ái	Vy	412220105	01/08/2004	22CNADLCLC01	2	31 (C402)
505	211604	Trương Lê Thị Tường	Vy	415220069	04/09/2004	22CNTTM01	2	31 (C402)
506	211605	Đinh Thị Thanh	Xuân	415220139	12/01/2004	22CNTTM02	2	31 (C402)
507	211606	Nguyễn Phan Thị Như	Ý	411171165	10/07/1999	17CNACLC01	2	31 (C402)
508	211607	Nguyễn Trần Như	Ý	411171166	29/03/1999	17CNACLC07	2	31 (C402)
509	211608	Phạm Thị Như	Ý	417230221	18/01/2005	23CNJTM01	2	31 (C402)
510	211609	Đỗ Hoàng	Yến	416220141	18/11/2004	22CNQTH01	2	31 (C402)
511	211610	Hoàng Thị Hải	Yến	412220185	22/01/2004	22CNATM02	2	31 (C402)
512	211611	Huỳnh Thị Kim	Yến	415220105	27/03/2004	22CNT01	2	31 (C402)
513	211612	Lê Nguyễn Hải	Yến	415220035	14/12/2004	22CNTTM02	2	31 (C402)

Danh sách có 513 thí sinh./